

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ các Điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 30 tháng 9 năm 2024 về việc các đương sự đã thật sự tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 98/2023/TLST - KDTM ngày 19 tháng 12 năm 2023.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 30 tháng 9 năm 2024 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S(S1)**

Địa chỉ trụ sở: Số G, đường T, quận H, thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Bà Ngô Thu H – Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Q – chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách khách hàng cá nhân

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Duy H1 – Chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách phòng G (Theo Giấy ủy quyền số 13/VBUQ-SHB.NA) ngày 06/10/2023)

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1957 và bà **Cao Thị B1**, sinh năm 1957

Trú tại: xóm H, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn B: Bà Cao Thị B1 (Theo Giấy ủy quyền lập ngày 30/9/2024 có chứng thực của **UBND**)

## **2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- *Về nghĩa vụ thanh toán:* Ông **Nguyễn Văn B2** bà Cao Thị B1 có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP S(S1 tổng số tiền vay tạm tính đến ngày 30/9/2024 là **239.605.691** đồng (*Hai trăm ba mươi chín triệu sáu trăm linh năm nghìn sáu trăm chín mươi một đồng*), trong đó: 80.147.660 (*Mười triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn sáu trăm sáu mươi*) đồng tiền gốc và 103.761.528 (*Một trăm linh ba triệu bảy trăm sáu mươi một nghìn năm trăm hai mươi tám*) đồng tiền lãi trong hạn và 55.696.503 (*Năm mươi lăm triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm linh ba*) đồng tiền lãi quá hạn tại Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 186/2018/HDTDTDH-CN/SHB120203 ngày 02/7/2018.

Ông **Nguyễn Văn B2** bà **Cao Thị B3** tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền phải thanh toán kể từ ngày 01/10/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này theo thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 186/2018/HDTDTDH-CN/SHB120203 ngày 02/7/2018.

Trường hợp trong các Hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kì của ngân hàng cho vay thì lãi suất của khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

- *Về việc xử lý tài sản bảo đảm:* Ông **Nguyễn Văn B2** Cao Thị B1 có nghĩa vụ thực hiện các cam kết trong Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 186/2018/ HĐTC-CN/SHB.120203 ngày 02/7/2018.

Trường hợp ông **Nguyễn Văn B2** bà **Cao Thị B4** thành nghĩa vụ thanh toán khoản vay cho Ngân hàng thì Ngân hàng có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông bà bản gốc Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số M 363887 do **UBND huyện D** cấp ngày 02/11/1998 cho ông **Nguyễn B5** 24/9/2010, đính chính lại tên người sử dụng đất là ông Nguyễn Văn B

Trường hợp ông **Nguyễn Văn B2** bà **Cao Thị B6** thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng S1 thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Diễn Châu xử lý tài sản thế chấp Quyền sử dụng thửa đất 415; tờ bản đồ 4, diện tích 281 m<sup>2</sup> tại xóm H, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số M 363887 do **UBND huyện D** cấp ngày 02/11/1998 cho ông **Nguyễn B5** 24/9/2010, đính chính lại tên người sử dụng đất là ông **Nguyễn Văn B7** thu hồi nợ. Hiện trạng thửa đất và tài sản gắn liền trên đất được thể hiện chi tiết tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

Trường hợp số tiền thu từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết nợ thì ông Nguyễn Văn B2 bà Cao Thị B8 phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho phía nguyên đơn.

- *Về chi phí tố tụng*: Ngân hàng TMCP S1 nhánh Nđã nộp đủ và thỏa thuận chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

- *Án phí*: Ông Nguyễn Văn B2 bà Cao Thị B1(đều 67 tuổi) là người cao tuổi thuộc đối tượng và có đơn xin được miễn nộp tiền án phí nên được miễn tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S1 nhánh N số tiền tạm ứng án phí 7.051.498 đồng (*Bảy triệu không trăm năm mươi một nghìn bốn trăm chín mươi tám đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011110 ngày 18/12/2023.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Diễn Châu;
- Cơ quan T.H.A.D.S Diễn Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Thẩm phán**

**Nguyễn Danh Hùng**

